

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2023/HC-PT  
Ngày: 08 - 5 - 2023  
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng  
*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trí Tuấn  
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện:*** Bà Thái Thị Thu C, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: khu dân cư số 6, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:*** Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: đường 3/2, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

***- Người bị kiện:***

1/. Ủy ban nhân dân huyện C.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***Người đại diện hợp pháp:*** Ông Lê Văn Ph - Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*** Ông Nguyễn Văn M. (có mặt)

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ph, phường Ph1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Bà Phạm Ngọc Y – Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Thái Thị Thu C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện C (sau đây gọi là UBND huyện C) ban hành Quyết định số 1744/QĐ-UBND về việc thu hồi 49,9m<sup>2</sup> đất của hộ bà Thái Thị Thu C - thường trú Khu dân cư số 6, huyện C đang sử dụng để thực hiện dự án Hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng, phân lô cấm mốc lô K (sau đây gọi là Quyết định số 1744).

Ngày 31/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Thái Thị Thu C đang sử dụng để thực hiện dự án Hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng, phân lô cấm mốc lô K (sau đây gọi là Quyết định số 1790). Theo đó, tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ là 63.876.841 đồng; trong đó:

1/. Diện tích đất không được bồi thường 49,9m<sup>2</sup>.

2/. Về nhà, vật kiến trúc:

2.1/. Hỗ trợ chi phí cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước 5,1m x 4,9m = 24,99m<sup>2</sup>: 62.256.841 đồng.

2.2/. Diện tích nhà xây dựng trên đất nhà nước (cơi nới): Không bồi thường, hỗ trợ.

3/. Hỗ trợ di dời: 1.620.000 đồng.

4/. Hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất: Không.

Không đồng ý với Quyết định số 1744 và Quyết định số 1790 của UBND huyện C, bà Thái Thị Thu C có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện C yêu cầu bồi thường về đất 49,9m<sup>2</sup> và bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới cho bà C theo quy định.

Ngày 29/5/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 591/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Thái Thị Thu C với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1744 về việc thu hồi đất 49,9m<sup>2</sup> và Quyết định số 1790 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, bà Thái Thị Thu C khiếu nại lần 2 và ngày 09/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 543/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) có nội dung bác khiếu nại của bà C.

Không đồng ý với các quyết định trên, bà Thái Thị Thu C có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề

sau:

- Tuyên hủy Quyết định số 1744/QĐ-UBND và Quyết định số 1790/QĐ-UBND cùng ngày 31/12/2019 của UBND huyện C;
- Tuyên hủy Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai;
- Buộc UBND huyện C phải bồi thường về đất theo giá thị trường cho bà Thái Thị Thu C và bố trí tái định cư tại chỗ cho bà C theo quy định của pháp luật đất đai.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện bà Thái Thị Thu C và người đại diện hợp pháp của bà C trình bày:*

Năm 1998, hộ bà Thái Thị Thu C ra C sinh sống, sau khoảng một tháng thì mua của ông H hai gian nhà tại khu dân cư số 6 làm nơi cư trú. Sau đó, bà C xin đăng ký kê khai sử dụng đất thì được trả lời là đất nằm trong quy hoạch làm khu thương mại nên không được giải quyết (kể cả xin sửa chữa, xây dựng). Đến năm 2008, thì hộ bà C mua thêm 1 căn nhà của ông Nguyễn Văn Ph để gia đình sử dụng. Phần nhà cũ cho bà Trần Thị K và bà Nguyễn Thị L mượn nhà ở nhờ vì hoàn cảnh khó khăn.

Trong suốt quá trình sinh sống trên căn nhà của ông Ph từ năm 2008 đến nay, gia đình bà C sử dụng ổn định, không ai tranh chấp.

Nay Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi đất mà không bồi thường về diện tích đất 49.9m<sup>2</sup>, không bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới cho hộ bà C là trái quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà C được rút yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1744 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi 49,9m<sup>2</sup> đất.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch UBND huyện C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Theo nội dung làm việc giữa bà C và Thanh tra huyện C tại Biên bản số 233/BB-TTr ngày 27/4/2020 thì bà C cho biết như sau: Năm 1998, gia đình bà C từ Cần Thơ ra C sinh sống. Khi mới đến gia đình bà C thuê nhà của ông Nguyễn Ngh (Trưởng khu 7) để ở được khoảng 01 tháng. Sau đó, gia đình bà C mua được 02 căn nhà của ông H tại Khu vật tư cũ (lô K), Khu dân cư số 6 bằng giấy viết tay (đã thất lạc) nên gia đình bà C chuyển về đây ở. Do diện tích nhà chật hẹp nên đến năm 2008, gia đình bà C mua lại căn nhà của ông Nguyễn Văn Ph bằng giấy viết tay và chuyển đến ở từ đó đến nay. Đồng thời, sau khi chuyển sang nhà mới mua của ông Ph, gia đình bà C để lại căn nhà mua của ông H cho bà Trần Thị K và bà Nguyễn Thị L sử dụng. Phần diện tích nhà, đất bà C mua từ ông Ph hiện nay gia đình bà C đang sử dụng ổn định, không phát sinh tranh chấp với ai, việc sử dụng phần đất này không có văn bản cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, việc sử dụng phần nhà, đất tại Khu vực lô K của gia đình bà C đã thể hiện thông qua hồ sơ địa chính quản lý dân cư của cơ quan Công an, Ban điều hành khu dân cư và các hộ sống lâu năm tại khu vực này biết rõ.

Tại Kết luận Thanh tra số 114/KL-TTr.NV5 ngày 06/7/2017 của Thanh tra Tỉnh về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai đối với UBND huyện C tại khu vật tư cũ (lô K), huyện C; Kết luận số 10142/KL-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận nội dung tố cáo đối với cán bộ UBND huyện C và phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C ghi nhận nguồn gốc nhà, đất tại khu vật tư cũ (lô K) như sau: Nguồn gốc dãy nhà, đất tại khu vật tư cũ là dãy nhà do chính quyền chế độ cũ xây dựng nhằm phục vụ cho hệ thống nhà tù cai trị tại C trước năm 1975 (hiện nay không có hồ sơ lưu trữ thể hiện sự quản lý đối với khu nhà này) nhưng trên thực tế sau giải phóng ngày 30/4/1975, UBND quận C trực thuộc Đặc khu Vũng Tàu - C (1979-1991) tiếp quản và giao cho Trạm cung cấp vật tư sử dụng dãy nhà làm Trạm cung cấp vật tư (thường gọi là Khu vật tư). Khoảng giữa năm 1988, Trạm cung cấp vật tư giải thể. Sau khi giải thể Trạm cung cấp vật tư, UBND huyện C tạm thời phân giao cho 03 hộ gia đình cán bộ, công chức và 01 tổ chức sử dụng, cụ thể: ông Phan Hoàng O, ông Võ Hoàng Ph, ông Nguyễn Văn M và Trạm lương thực huyện C. Thời gian sau này, các hộ gia đình, cá nhân từ đất liền ra C sinh sống, tự ý lấn, chiếm, sửa chữa, sử dụng dãy nhà để ở, một số hộ gia đình chuyển đi thì để lại cho hộ khác sử dụng. Đối với khu đất bao quanh dãy nhà Khu vật tư là khu đất trống, sau khi các hộ gia đình, cá nhân đến ở tại Khu vật tư và tự ý lấn, chiếm sử dụng. Đến nay có khoảng 30 hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống tại khu vực này.

Qua hồ sơ, tài liệu Tổ xác minh thu thập được thì phần diện tích 49,9m<sup>2</sup> đất (thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 18, bản đồ thu hồi đất) theo sổ mục kê và Bản đồ địa chính năm 1995 thì thuộc một phần thửa 94, tờ bản đồ số 03, diện tích 419m<sup>2</sup>, đất chuyên dùng, chủ sử dụng là UB (ủy ban) và một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 03, diện tích 7.653m<sup>2</sup>, đất chuyên dùng, chủ sử dụng đất là Trường V.

Tại Công văn số 195/CNVPĐKĐĐ ngày 31/03/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C về việc cung cấp thông tin, hồ sơ địa chính của bà Thái Thị Thu C - Khu dân cư số 6, huyện C, xác nhận: Theo Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai được duyệt ngày 20/01/1999, thửa đất 31, tờ bản đồ số 18, là thuộc một phần thửa 426 (cũ), tờ bản đồ số 29 (cũ), diện tích 225m<sup>2</sup> đất ở (được lập bản đồ chi tiết 1/500) cấp cho bà Trần Ngọc Th đã chuyển cho ông Trương Hoàng Ph1, hiện trạng là thuộc sở hữu Nhà nước. Tuy nhiên việc thực hiện hóa giá nhà, đất chưa được cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

Như vậy, ông Nguyễn Văn Ph không được nhà nước giao nhà đất, không có tên trong sổ mục kê, bản đồ địa chính huyện C, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Ph là người sử dụng hợp pháp diện tích đất 49,9m<sup>2</sup>; năm 2008, ông Ph ký chuyển nhượng lại diện tích đất này cho bà C bằng giấy viết tay, không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và công nhận; do đó căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện về các trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi: *“4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này”* và điểm h khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013 quy định các trường hợp được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *“h) Người được Nhà nước thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền*

với đất ở; người mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước” thì phần diện tích đất 49,9m<sup>2</sup> đất không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do đó không đủ điều kiện để bồi thường.

Theo báo cáo của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C số 53/PTQĐ ngày 16/3/2020 thì ngoài phần diện tích nhà, đất 49,9m<sup>2</sup> bị thu hồi, gia đình bà C còn 02 lô đất ở khác với diện tích 125,3m<sup>2</sup> và 98,8m<sup>2</sup> trên đường Ph. Do đó, căn cứ quy định nêu trên thì hộ bà C không đủ điều kiện cấp tái định cư hoặc giao đất ở mới.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:*

Thông nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Theo hồ sơ lưu trữ thì ông Nguyễn Văn Ph không được nhà nước giao hóa giá nhà, đất diện tích 49,9m<sup>2</sup>, không có giấy tờ chứng minh ông Ph là chủ sở hữu nhà đất này. Năm 2008, ông Ph ký giấy bán cho bà C bằng giấy viết tay với giá 8.000.000 đồng, không được công chứng chứng thực. Đối chiếu với quy định của pháp luật về đất đai, bà C không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ cơ sở để bồi thường về nhà đất, không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Bà C có nhà ở tại huyện C nên không được giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 543 ngày 09/3/2021.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2022/HC-ST ngày 29/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:*

Áp dụng Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 79, Điều 99, Điều 100, 101 và Điều 102 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Thái Thị Thu C về tuyên hủy Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C về việc thu hồi phần diện tích đất 49,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại đường V, khu dân cư số 6, huyện C.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Thu C về việc tuyên hủy Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C, Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/9/2022, người khởi kiện bà Thái Thị Thu C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và đại diện người khởi kiện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Thu C; hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Thái Thị Thu C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Thái Thị Thu C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Thái Thị Thu C làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng diện tích 49,9m<sup>2</sup> đất (thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 18, bản đồ thu hồi đất) thuộc một phần thửa 94, tờ bản đồ số 03, diện tích 419m<sup>2</sup>, đất chuyên dùng, chủ sử dụng là UB (ủy ban) và một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 03, diện tích 7.653m<sup>2</sup>, đất chuyên dùng, chủ sử dụng đất là Trường V. Theo Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai được duyệt ngày 20/01/1999, thửa đất 31, tờ bản đồ số 18, là thuộc một phần thửa 426 (cũ), tờ bản đồ số 29 (cũ), diện tích 225m<sup>2</sup> đất ở (được lập bản đồ chi tiết 1/500) cấp cho bà Trần Ngọc Th đã chuyển cho ông Trương Hoàng Ph1. Việc hóa giá nhà, đất chưa được cơ quan có thẩm quyền thực hiện; hiện trạng là thuộc sở hữu Nhà nước.

Bà Thái Thị Thu C cho rằng phần diện tích đất trên bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Ph từ năm 2008 và sử dụng ổn định đến nay không ai tranh chấp nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông Ph không có giấy tờ, tài liệu chứng minh đã được Nhà nước công nhận diện tích đất trên; hợp đồng chuyển nhượng giữa bà C với ông Ph chỉ là giấy viết tay, không được công chứng chứng thực và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Quá trình sử dụng bà C cũng không đăng ký kê khai việc sử dụng đất.

Đối chiếu quy định tại Điều 99, Điều 100, Điều 101 và Điều 102 Luật Đất đai năm 2013 thì phần diện tích đất 49,9m<sup>2</sup> bà C không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà C không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi thu hồi đất theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013. Đồng thời, theo báo cáo của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C số 53/PTQĐ ngày 16/3/2020 thì ngoài phần diện tích nhà, đất 49,9m<sup>2</sup> bị thu hồi, gia đình bà C còn 02 lô đất ở khác với diện tích 125,3m<sup>2</sup> và 98,8m<sup>2</sup> trên đường Ph nên không đủ

điều kiện để được tái định cư, giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 không bồi thường diện tích đất 49,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 18, khu dân cư số 6, không bố trí đất tái định cư cho hộ bà C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 591/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 09/3/2012 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 nội dung bác đơn khiếu nại của bà Thái Thị Thu C là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thái Thị Thu C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục dẫn đến việc xét xử vụ án không khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nên không chấp nhận lời đề nghị này của phía người khởi kiện.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Thái Thị Thu C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị Thu C.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

Áp dụng Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 79, Điều 99, Điều 100, 101 và Điều 102 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Thái Thị Thu C về tuyên hủy Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C về việc thu hồi phần diện tích đất 49,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại đường V, khu

dân cư số 6, huyện C.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Thu C về việc tuyên hủy Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C, Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Thái Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000533 ngày 09/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- ĐS (5);
- Lưu VP (3), HS (2).15b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**